

1

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Lương Thị Bích Th, chức vụ: Phó trưởng phòng tư pháp thị xã B, *có mặt.*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Đ1 - Chủ tịch UBND phường. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bích C; địa chỉ: khu phố c, phường T1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

4.2. Ông Nguyễn Hữu Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh L1, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.3. Ông Nguyễn Văn I, địa chỉ: tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.4. Ông Nguyễn Viết K, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.5. Bà Nguyễn Thị Đ2, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.6. Bà Nguyễn Thị H1, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.7. Ông Nguyễn Văn S1, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.8. Ông Trần Bắc K1, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.9. Ông Nguyễn Bá H2, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.10. Bà Đỗ Thị N, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.11. Bà Nguyễn Thị G, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

4.12. Ông Nguyễn Trọng C1, địa chỉ: tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Tất cả người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019, tại bản tự khai và tại các phiên đối thoại, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L trình bày:

Năm 2005, hai thửa đất số 18 và số 20, tờ bản đồ số 19 ở tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B đang còn bỏ hoang. Vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M tiến hành san lấp hồ bom, dọn mặt bằng, sau đó tiến hành cắt cỏ, nân lát, và đắp đập be bờ; tiến hành cày ải, ủ phân hữu cơ và vô cơ, cho nước vào để cải tạo hai thửa đất trên. Ông L, bà M tiến hành trồng lúa từ vụ Đông Xuân năm 2005-2006 đến năm 2018. Năm 2018, UBND thị xã B tiến hành thu hồi đất để làm dự án siêu thị và khu dân cư nhưng không hỗ trợ, bồi thường công cải tạo san lấp cho gia đình ông L. Ngày 16/11/2018, ông L có đơn khiếu nại về việc UBND thị xã B thu hồi đất mà không bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông. Ngày 20/5/2019, ông L nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B không công nhận nội dung khiếu nại của ông L. Vì vậy, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị huỷ Quyết định số: 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B. Tại biên bản làm việc ngày 17/7/2019, ông Nguyễn Văn L đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- + Huỷ Quyết định số: 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B

- + Buộc UBND phường Q bổ sung gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M vào danh sách hỗ trợ, đền bù theo qui định của Nhà nước.

- + Buộc UBND thị xã B bồi thường công cải tạo, san lấp đất cho gia đình ông L và bà M trong thời gian 03 tháng (Từ tháng 6/2005 đến tháng 9/2005) với số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- Ông Đinh Thiếu S - Phó Chủ tịch UBND thị xã B, người được Chủ tịch UBND thị xã B uỷ quyền trình bày:

Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 19 (trước đây là thửa đất số 717, tờ bản đồ số 10) có diện tích 693,2 m² là đất được giao trong đồn điền đổi thửa năm 2003, theo diện Nghị định số 64 - CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho hộ ông Nguyễn Hữu T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bích C. Đến tại thời điểm được bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ vào sổ theo dõi đồn điền đổi thửa của Tiểu Ban đồn điền đổi thửa thôn M1 năm 2003 và sổ Mục kê đất đai qua các năm 2006, 2012 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình ký xác nhận và qua kết quả làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan qua các thời kỳ, đối chiếu với quy định của pháp luật, UBND thị xã B xác định thửa đất này là đất được giao theo Nghị định số 64 - CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho hộ ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bích C.

Ngày 10/7/2018, UBND thị xã B ban hành Quyết định số: 1298/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 1299/QĐ-

UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Quy hoạch chi tiết Khu dân cư phía Nam tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B; theo đó hộ ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bích C được hỗ trợ, bồi thường số tiền 158.411.400 đồng.

Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 19, qua quá trình làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan, sổ theo dõi dồn điền đổi thửa của Tiểu Ban dồn điền đổi thửa thôn M1 năm 2003 và sổ Mục kê đất đai qua các năm 2006, 2012 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận, UBND thị xã B xác định đây là quỹ đất thuộc đất 5 % do UBND phường Q quản lý. Hiện tại UBND thị xã B chưa thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất này. Đối với việc ông Nguyễn Văn L tự ý sử dụng, sản xuất trên đất 5% của UBND phường Q quản lý trong thời gian dài mà UBND phường Q không phát hiện, xử lý kịp thời, UBND thị xã đã yêu cầu UBND phường Q tăng cường quản lý, tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với việc để người dân tự ý sử dụng quỹ đất 5% trong thời gian dài nhưng không phát hiện, xử lý kịp thời dẫn đến phát sinh khiếu nại khi thu hồi đất.

Tại công văn số 40/BC-UBND ngày 10/7/2019, UBND phường Q trình bày:

Về hồ sơ đất khai hoang, sản xuất và sử dụng của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M từ năm 2005 đến năm 2018 tại thửa số 18 và 20 tờ bản đồ số 19 tại tổ dân phố M1, phường Q. UBND phường Q không có hồ sơ lưu trữ đối với trường hợp này. Vì vậy, UBND thị xã B không thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M. UBND phường Q thống nhất với nội dung tại Quyết định số: 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B.

Ý kiến của những người làm chứng:

- Tại Bản tự khai ngày 30/8/2019, vợ chồng ông Nguyễn Hữu Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh L1 thống nhất ý trình bày: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 19 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bích C. Tuy nhiên, ông T và bà C đi làm ăn xa nên không làm ruộng được. Lúc đó ông Nguyễn Văn Trung (bác của ông T) mới mượn ruộng để sản xuất. Năm 2005 ông Trung (bố đẻ của anh Thành) giao ruộng của ông T cho vợ chồng ông Th1 và bà L1 làm để tăng gia sản xuất cho gia đình. Vợ chồng ông làm đến năm 2007 thì cho chị gái là Nguyễn Thị Lan (con gái ông Trung) làm. Đến năm 2008 bà M vào nhà xin ông Trung cho làm ruộng. Do đó, vợ chồng ông Th1 bà L1 cũng nhất trí cho mượn nhưng không cho đất. Từ năm 2010, bị vỡ đê nên ruộng ngập mặn không sản xuất được nên người dân vùng đó cũng bỏ không làm ruộng nữa.

Về hiện trạng thửa đất số 18, 20: Năm 2004 lúc vợ chồng ông Th1 bà L1 nhận ruộng để trồng lúa thì mặt bằng của mòng chỉ hơi gồ ghề. Vợ chồng ông Th1 bà L1 tiến hành san lấp, cải tạo mặt bằng ruộng chỉ hết khoảng bốn xe công nông đất. Đất ở mòng lúc đó là đất thịt, không có đất đá, cát sạn đổ xuống mòng.

- Tại các bản tự khai ngày 04/10/2019, những người làm chứng gồm: Ông Nguyễn Trọng C1, ông Trần Bắc K1, ông Nguyễn Viết K và bà Nguyễn thị Đ2 đều trình bày có thấy gia đình ông L ra khai hoang, san lấp mặt bằng ở đồng Tù và Dưới, tại thửa đất số 18, 20 tờ bản đồ số 19.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 08/2019/HC-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; các Điều 75, 77, 82, 83, 84 Luật đất đai năm 2013; Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: quy định việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 16 Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình và Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M về huỷ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B; buộc UBND phường Q, thị xã B bổ sung gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M vào danh sách hỗ trợ, đền bù và buộc UBND thị xã B bồi thường công cải tạo, san lấp đất cho gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M trong thời hạn ba tháng với số tiền bảy mươi triệu đồng

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 11 năm 2019 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đề nghị cấp phúc thẩm buộc UBND thị xã B bồi thường toàn bộ 1.500 m² đất ông L, bà M khai hoang và sản xuất 12 năm liên tục. Hỗ trợ chi phí cải tạo san lấp mặt bằng là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông L bà M, ông Hồ Lý H trình bày: Thửa đất số 18 và số 20 tại tổ dân phố Mỹ Hòa phường Q, thị xã B là do vợ chồng ông L, bà M khai hoang, cải tạo đất để sản xuất từ năm 2005. Đến năm

2018. UBND thị xã B thu hồi đất đối với thửa số 18 diện tích 693,2m² lại bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bích N là không đúng đối tượng, ông T bà N không canh tác sản xuất trên thửa đất này. Đối với thửa số 20, xác định quỹ đất 5% của UBND tỉnh B quản lý là không đúng, ông L bà M đã khiếu nại yêu cầu bổ sung gia đình ông vào danh sách được hỗ trợ đền bù nhưng không được UBND thị xã B chấp nhận, vợ chồng ông L bà M đã khởi kiện ra tòa nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, nay ông kháng cáo yêu cầu xét xử lại vụ án buộc UBND thị xã B bồi thường 1500m² đất mà vợ chồng ông đã khai hoang canh tác 12 năm và hỗ trợ chi phí cải tạo đất trị giá 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, bà Chủ tịch UBND thị xã B, trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông L, bà M, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L, bà M, sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M xét thấy:

[1]. Xem xét nguồn gốc thửa đất số 18 và thửa đất số 20 tờ bản đồ số 19, tờ dân phố M1, phường Q, nhận thấy: Đối với thửa đất số 18 diện tích 693,2m² (trước đây thuộc thửa số 717, tờ bản đồ số 10) là đất nông nghiệp, thực hiện việc dồn điền, đổi thửa đã được Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP, giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Bích N. Quá trình sử dụng đất của ông T bà N chưa có giao dịch chuyển nhượng cho ai, Nhà nước cũng chưa có quyết định thu hồi đất của ông T bà N để giao cho người khác. Đến ngày 10/7/2018 UBND thị xã B có quyết định 1298/QĐ-UBND thu hồi đất và và Quyết định số 1299/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng, trong đó có bồi thường hỗ trợ cho ông T bà N là đúng đối tượng.

Việc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M cho rằng đất bỏ hoang vợ chồng ông đến khai hoang sản xuất năm 2005 nhưng không sự thỏa thuận với hộ gia đình ông T, bà N. Ông L bà M cũng không có giấy tờ tài liệu gì thể hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất và cũng không có đơn xin khai hoang canh tác đất, nên UBND thị xã B không chấp nhận đơn khiếu nại của ông L bà M về việc đưa ông L, bà M vào danh sách nhận tiền bồi thường là đúng pháp luật.

Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 19 theo sổ mục kê năm 2006, 2012 xác định đây là quỹ đất 5% do UBND phường quản lý (hiện tại thửa đất này Nhà nước chưa bồi thường) ông L bà M cho rằng ông, bà đã khai hoang cải tạo sử dụng thửa đất này từ năm 2005 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh hộ gia đình của mình có quyền sử dụng thửa đất số 20, việc khai hoang canh tác là tự ý đến canh tác theo nhu cầu của gia đình, cũng không có giấy tờ gì về việc mượn đất, xin khai hoang nên cũng không có căn cứ để xác lập các thủ tục bồi thường, hỗ trợ theo qui định của pháp luật khi thu hồi đất.

[2]. Xem xét các quyết định hành chính của UBND thị xã B thấy rằng việc ban hành Quyết định 1298/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư và Quyết định số 1299/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng là đúng thẩm quyền, nội dung pháp luật quy định, thực hiện đúng các quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013, Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014 về việc thi hành Luật đất đai và Nghị định 47/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Ông L bà M đã khiếu nại yêu cầu UBND thị xã B đưa hộ gia đình của mình vào danh sách được bồi thường hỗ trợ theo các quyết định nói trên là không có căn cứ. Do vậy tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại đã không chấp nhận việc khiếu nại của ông L bà M là đúng pháp luật. Trường hợp ông L, bà M có công sức bồi trúc, cải tạo đất thì chỉ giải quyết bằng quan hệ dân sự giữa ông L, bà M với những người có quyền sử dụng đất được nhận tiền bồi thường (nếu có yêu cầu khởi kiện).

Từ những phân tích nêu trên, Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L bà M cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về quyền sử dụng đất của hộ gia đình mình, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông L bà M là hộ nghèo, do vậy miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông L bà M.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2019/HC-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng: Các Điều 75, 77, 82, 83, 84 Luật đất đai năm 2013; Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: quy định việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 16 Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình và Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Bác khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M về yêu cầu huỷ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Tổ dân phố M1, phường Q, thị xã B; buộc UBND phường Q, thị xã B bổ sung gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M vào danh sách hỗ trợ, đền bù và buộc UBND thị xã B bồi thường công cải tạo, san lấp đất cho gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M trong thời hạn ba tháng với số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông L bà M là hộ nghèo do vậy miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông L bà M.

Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi